

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 424/2026/DS-ST
Ngày: 26/6/2026
*Về “tranh chấp hợp đồng góp
hụi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Hùng;

2. Ông Ngô Văn Bi;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 352/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Tuyết N**, sinh năm 1970.

CCCD số: 082170010728.

Địa chỉ: khu phố L, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1972.

CCCD số: 082172004348.

Địa chỉ: khu phố S, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà N xin xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N trình bày:*

Qua mối quan hệ quen biết, bà Lê Thị Thu H có tham gia 02 dây hụi do bà N làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- **Dây hụi 1:** Loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi mở ngày 25/9/2022 âm lịch (20/10/2022 dương lịch), mãn ngày 25/3/2024 âm lịch (06/5/2024 dương lịch), hụi có 19 phần, bà H tham gia 02 phần, bà H đã hốt cả 02 phần hụi và chưa góp đủ lại hụi chết cho bà N và còn nợ số tiền 56.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Phần 1: Bà Hồng đóng được 2 kỳ, hốt vào kỳ thứ 3 vào ngày 25/11/2022 âm lịch được số tiền sau khi trừ thảo là 25.220.000 đồng, sau khi hốt hụi bà H tiếp tục góp cho bà N đến ngày 25/01/2023 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi, nên phần hụi này bà H còn nợ lại bà N 14 kỳ hụi chết với số tiền là 28.000.000 đồng.

+ Phần 2: Bà Hồng đóng được 3 kỳ, hốt hụi vào kỳ thứ 4 vào ngày 25/12/2022 âm lịch được số tiền sau khi trừ thảo là 25.500.000 đồng; sau khi hốt hụi bà H tiếp tục góp cho bà N đến ngày 25/01/2023 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi, nên phần hụi này bà H còn nợ lại bà N 14 kỳ hụi chết với số tiền là 28.000.000 đồng.

- **Dây hụi 2:** Loại hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi mở ngày 25/01/2023 âm lịch (15/02/2023 dương lịch) mãn ngày 25/5/2024 âm lịch (30/6/2024 dương lịch), hụi có 17 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H hốt hụi vào kỳ thứ 2 (ngày 25/01/2023 âm lịch) được số tiền sau khi trừ thảo là 52.500.000 đồng, sau khi hốt hụi, bà H không góp lại hụi chết cho đến khi mãn hụi, bà H còn nợ lại bà N 16 kỳ hụi chết với số tiền là 80.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 5 năm 2025 âm lịch bà H có trả được cho bà N số tiền 6.500.000 đồng nên số tiền nợ hụi bà H còn nợ là 73.500.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi chết bà H còn nợ bà N của 02 dây hụi là: 129.500.000 đồng và bà N yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền hụi của từng dây hụi mà bà H còn thiếu tính từ ngày mãn hụi đến khi tòa án xét xử xong vụ án, cụ thể như sau:

+ Dây hụi 1: Số tiền 56.000.000 đồng tính từ ngày 06/5/2024 dương lịch đến khi tòa án xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

+ Dây hụi 2: Số tiền 73.500.000 đồng tính từ ngày 30/6/2024 dương lịch đến khi tòa án xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ hụi và tiền lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 11/6/2026, bị đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:*

Bà có tham gia 02 dây hụi như bà N trình bày, có hốt hụi và ký tên và ghi họ tên vào các tờ Giấy giao hụi do bà N giao nộp, sau khi hốt hụi bà H đã đóng lại đầy đủ số tiền hụi chết nhưng bà N không giao lại giấy hụi cho bà. Bà xác định các dây hụi trên bà đã đóng đầy đủ cho bà N và không còn nợ tiền hụi của bà N, do đó đối với yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu bà trả tiền hụi chết và tiền lãi bà không đồng ý.

** Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả 129.500.000 đồng tiền nợ hui và lãi suất chậm trả theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thu H trả lại số tiền số tiền nợ hui, nên xác định đây là tranh chấp về “hợp đồng góp hui”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường S, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Lê Thị Thu H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, dự phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Đối với khoản tiền hui: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà N đã cung cấp các tờ “*Giấy giao hui*” được in sẵn theo mẫu tương ứng với các dây hui bà Lê Thị Tuyết N trình bày. Trong từng tờ giấy giao hui đều có thể hiện nội dung tên người hót hui, loại hui, số phần hui, ngày khui hui, ngày hót hui, số phần sống, số phần chết, số tiền cho thảo và số tiền hui được hót, tại mục “Ký nhận tiền hui” của các tờ Giấy giao hui đều có chữ ký và chữ viết tên “Lê Thị Thu H”. Bị đơn bà Lê Thị Thu H thừa nhận có tham gia các dây hui như bà N trình bày và thừa nhận có ký tên ghi họ tên vào các tờ Giấy giao hui do bà N cung cấp, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Đối với bà Lê Thị Thu H, bà phản đối yêu cầu khởi kiện của bà N đối với bà; cho rằng bà đã đóng đầy đủ lại toàn bộ số tiền hui chết của 02 dây hui, sau khi đóng tiền hui hết xong bà N không giao lại Giấy giao hui cho bà, tuy nhiên bà H không cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối trên, nên căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ của bà Lê Thị Tuyết N cung cấp, xác định giao dịch góp hui giữa bà Lê Thị Tuyết N và bà Lê Thị Thu H là có thật, và việc bà Lê Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu Tòa

án buộc bà Lê Thị Thu H trả tổng số tiền nợ hui 129.500.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N yêu cầu tính lãi chậm trả đối với từng dây hui với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày mãn hui đến khi Tòa án xét xử vụ án (tính tròn tháng). Xét thấy bị đơn phải có nghĩa vụ đóng tiền hui theo kỳ cho nguyên đơn sau khi lĩnh tiền hui, nhưng bị đơn không thực hiện cho đến khi các dây hui đã mãn. Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày mãn hui đến khi Tòa án xét xử, tương ứng từng dây hui là phù hợp quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể như sau:

+ Dây hui 1: Số tiền 56.000.000 đồng tính từ ngày 06/5/2024 dương lịch đến ngày xét xử (26/6/2026) là 25 tháng x 0,83%/tháng = 11.620.000 đồng.

+ Dây hui 2: Số tiền 73.500.000 đồng tính từ ngày 30/6/2024 dương lịch đến ngày xét xử (26/6/2026) là 23 tháng x 0,83%/tháng = 14.031.150 đồng.

Tổng cộng tiền lãi chậm trả của 02 dây hui là 25.651.150 đồng.

[3.4] Như vậy, tổng số tiền nợ hui và tiền lãi chậm trả bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 129.500.000 đồng + 25.651.150 đồng = 155.151.150 đồng.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Nguyên đơn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ khi án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Xét việc nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được thời hạn thực hiện nghĩa vụ, nên cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ cho nguyên đơn khi án có hiệu lực pháp luật; phương thức và thời hạn thực hiện nghĩa vụ được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết N.

1. Buộc bà Lê Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Tuyết N số tiền nợ hụi và tiền lãi tổng cộng là 155.151.150 đồng (*một trăm năm mươi lăm triệu một trăm năm mươi một nghìn một trăm năm mươi đồng*). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị Tuyết N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong; bà Lê Thị Thu H phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị Thu H phải chịu 7.757.000 đồng (*bảy triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị Tuyết N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại bà Lê Thị Tuyết N 4.229.107 đồng (*bốn triệu hai trăm hai mươi chín nghìn một trăm lẻ bảy đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0011727 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm